

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DS-ST
Ngày: 07/7/2020
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xuân Văn
2. Hoàng Văn Tiến

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Hoàng Mai.

Trong ngày 07 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/TLST-DS ngày 07 tháng 2 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXXST- DS ngày 25 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2020/QĐST-DS, Ngày 15/6/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP A; địa chỉ: 442 N, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T – Tổng Giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh T – Giám đốc A Chi nhánh Quảng Bình; Người được ủy quyền lại: Ông Dương Đức T – Nhân viên; địa chỉ: 257 T, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1991 và anh Phan Đức D, sinh năm 1979 (đã chết); địa chỉ: Đường T, tiểu khu 9, phường B, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1940 (là mẹ ruột của anh D); địa chỉ: Đường T, Tiểu khu 9, phường B, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt lần 2.

2. Cháu Phan Bảo N; Sinh năm 2010; Đại diện hợp pháp của cháu N là chị Nguyễn Thị H; địa chỉ: Đường T, tiểu khu 9, phường B, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình.

Vắng mặt lần 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn, Ngân hàng TMCP A trong đơn khởi kiện và trong các văn bản tố tụng cũng như tại phiên tòa trình bày:

Theo căn cứ các thỏa thuận tín dụng và hợp đồng tín dụng:

Vào ngày 04/8/2015, Ngân hàng TMCP A có ký Hợp đồng tín dụng số QBI.CN.05.030815 với anh Phan Đức D và chị Nguyễn Thị H với số tiền vay là 500.000.000đồng (*Năm trăm triệu đồng*). Với mục đích sử dụng: Tiêu dùng, sửa chữa, xây dựng nhà – Sửa chữa nhà ở gia đình và mua sắm lắp đặt thiết bị nội thất nhà ở; thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày 05/8/2015 đến ngày 05/8/2025. Với lãi suất vay trong hạn được quy định: Lãi suất vay: 9,0%/năm. Lãi suất vay cố định trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu. Kể từ ngày 05/8/2016, lãi suất vay được điều chỉnh 06 tháng/lần.

Tiếp đến, vào ngày 14/01/2016, Ngân hàng TMCP A có ký thêm Hợp đồng tín dụng số QBI.CN.86.120116 với anh Phan Đức D và chị Nguyễn Thị H với số tiền vay là 350.000.000đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*). Với mục đích sử dụng: Tiêu dùng, sửa chữa, xây dựng nhà – Sửa chữa nhà ở gia đình và mua sắm lắp đặt thiết bị nội thất nhà ở; thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày 14/01/2016 đến ngày 14/01/2026. Với lãi suất vay trong hạn được quy định: Lãi suất vay :9,0%/năm. Lãi suất vay cố định trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu. Kể từ ngày 14/7/2016, lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần.

Đồng thời, căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 22/12/2017 của chị Nguyễn Thị H (vợ anh D) và các điều khoản, điều kiện sử dụng thẻ của ACB, các văn bản của chị H ký với ACB về việc sử dụng thẻ tín dụng. ACB đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho cho chị H với hạn mức thẻ là 12.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, anh D và chị H đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất tại thửa đất số 93, tờ bản đồ số 102, phường B, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 629109, sổ vào vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH 04580 do UBND TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 06/5/2015 thuộc quyền sở hữu, sử dụng mang tên bà Nguyễn Thị H (là mẹ ruột của anh D).

Phía Ngân hàng và bên thế chấp tài sản là bà Nguyễn Thị H đã ký Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số QBI.BĐCN.01.030815, được công chứng tại Phòng công chứng số 1, tỉnh Quảng Bình vào ngày 03/8/2015; và Hợp đồng được sửa đổi, bổ sung số QBI.BĐCN.01.030815/SĐBS-01, được công chứng tại Phòng công chứng số 1, tỉnh Quảng Bình vào ngày 12/01/2016 và được sửa đổi, bổ sung số QBI.BĐCN.01.030815/SĐBS-02, được công chứng tại Phòng công chứng số 1, tỉnh Quảng Bình vào ngày 19/10/2016.

Trong quá trình vay vốn, anh Phan Đức D và chị Nguyễn Thị H thường xuyên để xảy ra tình trạng nợ quá hạn và không hợp tác trong quá thanh toán tiền gốc, lãi đến hạn. Vì vậy anh D, chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký và vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thông báo giao dịch hàng tháng trong quá trình chị H sử dụng thẻ tín dụng nên Ngân hàng A có ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ số nợ vay trong Hợp đồng và toàn bộ thẻ tín dụng còn lại chưa thanh toán. Cụ thể, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/7/2020) tổng dư nợ gốc và lãi, lãi phạt của anh Phan Đức D và chị Nguyễn Thị H tại Ngân hàng TMCP Á Châu là: 642.965.155 đồng, trong đó tiền gốc: 515.507.459 đồng, tiền lãi trong hạn: 90.881.672 đồng lãi quá hạn 36.576.024 đồng.

Ngày 26/12/2018, bị đơn anh Phan Đức D đột ngột qua đời tại nhà riêng do bị đột quỵ. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thì phải có người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh Phan Đức D với Ngân hàng TMCP A vì anh D đang có hợp đồng vay vốn và đang thực hiện nghĩa vụ trả nợ tại Ngân hàng, cụ thể những người thừa kế quyền và nghĩa vụ trong tố tụng Dân sự của anh D sẽ bao gồm:

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991 (vợ anh D)
- Cháu Phan Bảo N, sinh năm 2010 (con ruột anh D)
- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1940 (mẹ ruột anh D)

Nên Ngân hàng yêu cầu những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của anh Phan Đức D là chị H, cháu N và bà H phải có nghĩa vụ tiếp tục trả thay anh D khoản nợ đã ký với Ngân hàng A. Phía Ngân hàng A cũng đã có thông báo thu hồi nợ trước hạn từ ngày 04/5/2019, nhưng phía những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của anh D và bị đơn chị Nguyễn Thị H không có sự phản hồi hay có thiện chí hợp tác với Ngân hàng để giải quyết các khoản vay trên.

Yêu cầu những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của anh D là chị Nguyễn Thị H, cháu Phan Bảo N và bà Nguyễn Thị H, đồng bị đơn chị Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP A toàn bộ số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 07/7/2020 là: 642.965.155 đồng và toàn bộ các khoản lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng đã ký.

Nếu không thanh toán số nợ trên thì đề nghị áp dụng biện pháp cưỡng chế, kê biên và bán tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp đã ký kết để thu hồi nợ vay.

* Đối với bị đơn cũng là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của anh Phan Đức D là chị Nguyễn Thị H. (vợ anh D)

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đ đã ra Thông báo thụ lý vụ án và gửi cho chị Hoa kèm theo giấy triệu tập đến Tòa án, Thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị H đã không có mặt tại Tòa án theo thời gian quy định. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp cho chị H nhưng không tiến hành giao nhận được (có lập biên bản) vì hiện nay chị H không còn sinh sống tại TDP 9, phường B, TP. Đ mà đã chuyển đi chỗ khác.

Mặt khác, vào ngày 17/4/2020, Tòa án cũng đã tiến hành xác minh, đến tận nhà của chị H theo địa chỉ Ngân hàng đã cung cấp tại TDP 9, phường B, TP. Đ, qua xác minh gặp được mẹ chồng của chị H là bà Nguyễn Thị H, qua trao đổi và làm việc với bà H, bà H cho biết: Về nhân thân của anh D gồm có bà là mẹ ruột anh D, hiện trú tại TDP 9, phường B, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình; chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991 (vợ anh D) và cháu Phan Bảo N, sinh năm 2010 (con ruột anh D); cùng có hộ khẩu thường trú tại: TDP 9, phường B, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình. Nhưng hiện tại chị Nguyễn Thị H (con dâu) của bà đã chuyển đi cùng con gái, hiện tại bà không biết hai mẹ con chị H chuyển đi đâu và cụ thể ở chỗ nào, mặc dù chị H đã chuyển đi nhưng chị vẫn chưa cắt hộ khẩu. Điều đó cũng phù hợp với việc ngày 20/02/2020 Tòa án nhân dân thành phố Đ đã gửi Công văn số 59/2020/CV-DS đề nghị Cục quản lý Xuất nhập cảnh – Bộ Công an cung cấp thông tin về việc xuất nhập cảnh của chị Nguyễn Thị H. Ngày 28/02/2020, Cục quản lý Xuất nhập cảnh – Bộ Công an đã gửi Công văn số 2522/A08- P5 cho Tòa án nhân dân thành phố Đ với kết quả: Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 03/9/1991 không có thông tin cấp hộ chiếu và xuất nhập cảnh tại Cục quản lý xuất nhập cảnh. Như vậy để thấy rằng chị H cố tình không liên lạc với Ngân hàng để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ của mình. Việc tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật không có kết quả. Vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo luật định để đưa vụ án ra xét xử. Nên tại phiên tòa hôm nay, chị H không có mặt và không có ý kiến nào. Bên cạnh đó ngày 17/4/2020 chị Hoa cũng đã ký nhận được các văn bản Tố tụng của Tòa án nhân dân thành phố Đ, nhưng chị vẫn không đến Tòa án để làm việc.

* Đối với Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Phan Bảo N (con ruột anh D) là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của anh D, cháu đã chuyển đi cùng với mẹ, không biết hiện tại cháu đang ở đâu nên không thể lấy lời khai và ý kiến của cháu nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo luật định để đưa vụ án ra xét xử.

- Đối với bà Nguyễn Thị H, là người vừa kế thừa quyền, nghĩa vụ của anh Phan Đức D, đồng thời cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là người có tài sản thế chấp đảm bảo cho các khoản vay của anh D, chị H, nên bà H tham gia tố tụng với tư cách trên.

Qua quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố Đ đã ra Thông báo thụ lý vụ án và gửi giấy triệu tập, Thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho bà H nhưng bà H không đến Tòa án làm việc. Vì vậy, vào ngày 17/4/2020 Tòa án nhân dân TP. Đồng Hới đã đến nhà riêng của bà tại TDP 9, phường B, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình lấy lời khai của bà. Qua quá trình làm việc với Tòa án, bà H khai rằng: Bà thừa nhận bà có biết việc vợ chồng con trai bà là anh D (đã chết) và chị H có ký với Ngân hàng A các Hợp đồng tín dụng số QBI.CN.05.030815 với số tiền vay là 500.000.000đồng (*Năm trăm triệu đồng*); số QBI.CN.86.120116 với số tiền vay là 350.000.000đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*). Và bà có ký tên vào Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất vào để làm tài sản đảm bảo các khoản vay đó. Hiện tại con trai bà

đã chết, con dâu mang theo cháu gái chuyển đi ở chỗ khác, bà không biết đi đâu và làm gì. Nên việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng là điều khó tránh khỏi. Bà cũng trình bày, với điều kiện hiện tại thì con dâu bà là chị H sẽ không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng được, con của anh D còn nhỏ, đang đi học nên cũng không đủ điều kiện để trả nợ thay ba mẹ được. Hiện nay vợ chồng anh D, chị H không có tài sản nào cả. Bà H xin Tòa án giải quyết theo đúng quy định pháp luật, bà không có ý kiến gì. Vì do tuổi già, điều kiện đi lại khó khăn nên bà xin phép được vắng mặt trong phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của ngân hàng vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ phát biểu ý kiến như sau:

- Về thời hiệu và thẩm quyền: Tòa án nhân dân TP. Đ đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thời hiệu và thẩm quyền theo quy định;

+ Thẩm phán lập hồ sơ, xác minh, thu thập chứng cứ, tiến hành giao các văn bản tố tụng và tiến hành trình tự, thủ tục giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS, đối với những người thừa kế quyền, nghĩa vụ của bị đơn và đồng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do đã vi phạm các điều 70,72,73 của BLTTDS. Căn cứ Điều 227, 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Về nội dung giải quyết vụ án:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Tòa án áp dụng các Điều 688 Bộ luật dân sự 2015, các Điều 318, 319, 342, 343, 388, 389, 391, 405, 471, 474, 476, 478 BLDS 2005; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả các khoản nợ gốc, lãi của hợp đồng tín dụng cho ngân hàng TMCP A cụ thể buộc Chị Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền tính đến ngày 07/7/2020 là: Nợ gốc: 515.505.459 đồng; Lãi trong hạn: 90.881.672 đồng; Lãi quá hạn: 36.576.024 đồng. Và yêu bị đơn tiếp tục phải trả số tiền lãi phát sinh theo lãi suất tại Hợp đồng tín dụng giữa chị H anh D và Ngân hàng TMCP A đã ký kết cho đến khi trả hết nợ gốc.

Trường hợp bị đơn không thực hiện được thì tuyên xử lý tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

- Về thẩm quyền giải quyết: Giữa nguyên đơn và bị đơn xác lập quan hệ với nhau thông qua hợp đồng tín dụng. Bị đơn vay tiền để phục vụ mục đích dân sự. Chị Nguyễn Thị H và anh Phan Đức D (đã chết) có hộ khẩu tại TDP 9, phường B, TP. Đồng Hới nên việc TAND TP.Đ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

- Về những người tham gia tố tụng:

Bao gồm: Chị Nguyễn Thị H là bị đơn, bà Nguyễn Thị H và cháu Phan Bảo N tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tiến hành các thủ tục giải quyết vụ án đúng trình tự quy định của pháp luật, nhưng không có ai đến Tòa án làm việc nên không có bản tự khai về ý kiến của mình và Tòa án đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Ngày 17/4/2020, Tòa án đã tiến hành xác minh, đến tận nhà của chị H theo địa chỉ Ngân hàng đã cung cấp tại TDP 9, phường B, TP.Đ, qua xác minh gặp được mẹ chồng của chị H là bà Nguyễn Thị H, qua trao đổi và làm việc với bà H, bà H cho biết: Về nhân thân của anh D gồm có bà là mẹ ruột anh D, có hộ khẩu tại Tiểu khu 9 nay là TDP 9, phường B, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình; chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991 (vợ anh Danh) và cháu Phan Bảo N, sinh năm 2010 (con ruột anh D); cùng trú tại: TDP 9, phường B, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình. Nhưng hiện tại chị Nguyễn Thị H (con dâu) của bà đã bỏ nhà ra đi cùng con gái, hiện tại bà không biết hai mẹ con chị H đã đi đâu và làm gì, mặc dù chị H đã bỏ đi nhưng chị vẫn chưa cắt hộ khẩu. Đồng thời, lấy lời khai của bà. Qua quá trình làm việc với Tòa án, bà H khai rằng: Bà thừa nhận bà có biết việc vợ chồng con trai bà là anh D (đã chết) và chị H có ký với Ngân hàng A các Hợp đồng tín dụng số QBI.CN.05.030815 với số tiền vay là 500.000.000đồng (*Năm trăm triệu đồng*); số QBI.CN.86.120116 với số tiền vay là 350.000.000đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*). Và bà có ký tên vào Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất vào để làm tài sản đảm bảo các khoản vay đó. Hiện tại con trai bà đã chết, con dâu mang theo cháu gái bỏ nhà ra đi, bà không biết đi đâu và làm gì. Ngày 25/5/2020, Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án xét xử và giấy triệu tập cho chị H, bà H. Đồng thời tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng trên tại TDP và UBND phường B. Tại phiên tòa, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và bị đơn chị H và bà H đều vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất mà không có lý do. Nên HĐXX ra quyết định hoãn phiên tòa số: 20/QĐST-DS, ngày 15/6/2020. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ nên đã có văn bản yêu cầu cử Kiểm sát viên tham gia tố tụng vụ án. Sau đó Tòa án nhân dân thành phố Đ đã ra quyết định xét xử và ấn định lại thời gian xét xử sau khi hoãn lần thứ nhất vào ngày 07/7/2020 theo đúng quy định tại Điều 227, 233

BLTTDS. Nhưng phía những người thừa kế quyền, nghĩa vụ của anh D, bị đơn chị Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, nên HĐXX căn cứ vào Điều 227, Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người trên.

* Về nội dung:

[1]. Xét yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc các những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của anh Phan Đức D và đồng bị đơn là chị Nguyễn Thị H thanh toán tiền nợ gốc và nợ lãi. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về Hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng số QBI.CN.05.030815, ngày 04/8/2015 và Khế ước nhận nợ số 01/STK 201 688729, ngày 05/8/2015; Hợp đồng tín dụng số QBI.CN.86.120116, ngày 14/01/2016 và Khế ước nhận nợ số 01/STK 209 851179, ngày 14/01/2016 và Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 22/12/2017 giữa Ngân hàng TMCP A và anh Phan Đức D, chị Nguyễn Thị H đã được các bên thống nhất tự nguyện thỏa thuận, ký kết bởi những người có đủ thẩm quyền, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch được xác lập, mục đích và nội dung của các Hợp đồng và khế ước nhận nợ không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do vậy các Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ trên là hợp pháp và là căn cứ để các bên thực hiện.

Theo yêu cầu của Ngân hàng thì buộc những người thừa kế của anh D phải trả nợ cho Ngân hàng với số tiền mà hiện nay chị H anh D chưa trả nợ. Tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 17/04/2020 thì bà Nguyễn Thị H(mẹ anh D) trình bày hiện tại vợ chồng anh D, bà H không có bất kỳ tài sản nào và tại biên bản xác minh ngày 17/4/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới có xác nhận của ủy ban dân phường B, thành phố Đ thể hiện anh D không có di sản thừa kế nào để lại cho những người thừa kế là bà H, bà H, cháu N. Do đó việc Ngân hàng yêu cầu những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của anh D phải trả nợ trong phạm vi di sản thừa kế để là không phù hợp.

Vì vậy Hội đồng xét xử thấy rằng không có cơ sở để buộc những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của anh D phải trả nợ cho Ngân hàng.

[2] Quá trình thực hiện Hợp đồng, Ngân hàng TMCP A đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là giải ngân cho anh D, chị H vay số tiền tổng cộng của 02 Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ và cấp thẻ tín dụng là 862.000.000 đồng. Anh D, chị H đã nhận đủ số tiền vay. Trong quá trình vay vốn phía bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ đã cam kết. Do vậy đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 1, Điều 3, Điều 4 của Hợp đồng tín dụng nên các khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn, ngân hàng khởi kiện ra Tòa án yêu cầu bị đơn phải thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh, quá hạn, nợ lãi là có cơ sở chấp nhận.

Xét đây là Hợp đồng Tín dụng, và Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được ký kết giữa các bên, tự nguyện, không cưỡng ép khi một bên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong Hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên vi phạm phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Đối với tiền lãi quá hạn phát sinh dựa vào số nợ gốc mà bị đơn không trả được là có cơ sở cần chấp nhận.

[4] Về tài sản đảm bảo cho các khoản vay trên là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất tại thửa đất số 93, tờ bản đồ số 102, phường B, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 629109, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH 04580 do UBND TP. Đ, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 06/5/2015 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Nguyễn Thị H (là mẹ ruột của anh D).

Theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số QBI.BĐCN.01.030815, được công chứng tại Phòng công chứng số 1, tỉnh Quảng Bình vào ngày 03/8/2015; và Hợp đồng được sửa đổi, bổ sung số QBI.BĐCN.01.030815/SĐBS-01, được công chứng tại Phòng công chứng số 1, tỉnh Quảng Bình vào ngày 12/01/2016 và được sửa đổi, bổ sung số QBI.BĐCN.01.030815/SĐBS-02, được công chứng tại Phòng công chứng số 1, tỉnh Quảng Bình vào ngày 19/10/2016. Như vậy, trình tự thủ tục Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên, công chứng viên đã thực hiện việc công chứng đúng quy định của pháp luật. Tài sản của bà H nên bà có quyền tự định đoạt tài sản của mình. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thì bà H đã ký vào Hợp đồng thế chấp, Hợp đồng thế chấp đã được công chứng, việc thế chấp tài sản bảo đảm đúng quy định tại Điều 342, 343, 348, 349, 355 Bộ luật dân sự 2005. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác được ký kết giữa Ngân hàng và bà Nguyễn Thị H có hiệu lực pháp luật buộc các bên ký kết phải có nghĩa vụ thi hành. Mặt khác, trong nội dung bản Hợp đồng đã thể hiện tài sản thế chấp; quy định phạm vi thế chấp và trong Hợp đồng quy định xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, khi anh D (đã chết), chị H không trả được nợ.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật để sung quỹ nhà nước. $642.965.155 \text{ đồng} = 20.000.000 \text{ đồng} + 4\%$ của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng là: $242.965.155 \text{ đồng} \times 4\% = 9.718.606 \text{ đồng}$. Như vậy bị đơn chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là: 9.718.606 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 91,95 Luật các tổ chức tín dụng (2010) và các Điều 116, 117, 119, 463, 465, 466, 470 Bộ luật dân sự 2015. Các Điều 342, 343, 348, 349, 355, 471, 473, 474, 478 Bộ luật dân sự 2005.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A.

1.1. Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị H, phải trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền tính đến ngày 07/7/2020 là: 642.965.155 đồng; Trong đó: Nợ gốc: 515.507.495 đồng; Lãi trong hạn: 90.881.672 đồng; Lãi quá hạn: 36.576.024 đồng.

Kể từ ngày 08/7/2020 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký giữa Ngân hàng và bị đơn.

2. Tài sản bảo đảm để thi hành nghĩa vụ thi hành án của bị đơn gồm:

Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất tại thửa đất số 93, tờ bản đồ số 102, phường B, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 629109, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH 04580 do UBND TP. Đ, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 06/5/2015 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Nguyễn Thị H (là mẹ ruột của anh D). Phía Ngân hàng và bên thế chấp tài sản là bà Nguyễn Thị H đã ký Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số QBI.BĐCN.01.030815, bên được cấp tín dụng là anh Nguyễn Văn D (đã chết) và chị Nguyễn Thị H, là tài sản đảm bảo để thi hành nghĩa vụ thi hành án của anh D (đã chết) và chị H.

Sau khi Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp nhưng chưa thu hồi đủ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh, thì chị Nguyễn Thị H còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ còn thiếu cho Ngân hàng TMCP A.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án Ngân hàng TMCP A có đơn yêu cầu thi hành án và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền vay, Ngân hàng TMCP A là nơi đang lưu giữ giấy tờ về tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản nói trên chịu trách nhiệm chuyển giao các giấy tờ về tài sản thế chấp cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới để xử lý theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

2. Án phí Dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 13.877.270 đồng, tại Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0005396 ngày 07/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 29.718.606 đồng để sung quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QB;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ Lệ